

KẾT QUÁ CẨN ĐẠT

- Hiểu được những nét chính về con người, về quan điểm nghệ thuật, các đề tài chính, tư tưởng chủ đạo và phong cách nghệ thuật của Nam Cao.
- Hiểu và phân tích được các nhân vật, đặc biệt là nhân vật Chí Phèo, qua đó thấy được giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc, mới mẻ của tác phẩm.
- Thấy được một số nét về nghệ thuật của tác phẩm như điển hình hoá nhân vật, miêu tả tâm lí, nghệ thuật trần thuật, ngôn ngữ nghệ thuật,...

PHẦN MỘT : TÁC GIẢ

I - VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ VÀ CON NGƯỜI

Nam Cao (1917 – 1951) tên khai sinh là Trần Hữu Tri, sinh trong một gia đình nông dân ở làng Đại Hoàng, tổng Cao Đà, huyện Nam Sang⁽¹⁾, phủ Lí Nhân (nay là xã Hoà Hậu, huyện Lí Nhân), tỉnh Hà Nam. Học hết bậc Thành chung, Nam Cao vào Sài Gòn kiếm sống và bắt đầu sáng tác. Sau hơn ba năm, vì ốm đau, ông phải trở về quê. Sau đó, ông dạy học ở một trường tư thục ở ngoại ô Hà Nội. Nhưng cuộc đời “giáo khổ trường tư” đó cũng không yên : quân Nhật vào Đông Dương, trường đóng cửa, ông phải sống chật vật, lay lắt bằng nghề viết văn và làm gia sư. Đầu năm 1943, ông tham gia nhóm Văn hoá cứu quốc ở Hà Nội. Bị địch khủng bố gắt gao, ông phải lánh về quê rồi tham gia



Nam Cao

(1) Bút danh Nam Cao là ghép hai chữ đầu của hai địa danh : huyện Nam Sang và tổng Cao Đà.

khởi nghĩa (tháng 8 – 1945) ở phủ Lí Nhân. Năm 1946, với tư cách là phóng viên mặt trận, ông có mặt trong đoàn quân Nam tiến vào đến Nam Trung Bộ. Mùa thu năm 1947, ông lên Việt Bắc làm công tác báo chí, tuyên truyền phục vụ kháng chiến ; năm 1950, ông tham gia chiến dịch Biên giới. Tháng 11 – 1951, trên đường vào công tác ở vùng địch hậu Liên khu III, ông bị giặc Pháp phục kích và sát hại.

Con người Nam Cao nhìn bể ngoài có vẻ lạnh lùng, vụng về, ít nói (ông tự giễu mình là có “cái mặt không chơi được”), nhưng đời sống nội tâm lại rất phong phú, luôn luôn sôi sục, có khi căng thẳng. Bình sinh, Nam Cao thường day dứt, hối hận, lấy làm xấu hổ về những việc làm, những ý nghĩ mà ông tự thấy là tầm thường của mình. Người trí thức “trung thực vô ngần” (lời Tô Hoài) ấy luôn nghiêm khắc đấu tranh với chính mình để thoát khỏi lối sống tầm thường, nhỏ nhen, khao khát vươn tới “tâm hồn trong sạch và mơ ước tới cảnh sống, những con người thật đẹp”⁽¹⁾. Giá trị to lớn của sáng tác Nam Cao, nhất là những tác phẩm viết về người trí thức nghèo, gắn liền với cuộc đấu tranh bản thân trung thực, âm thầm mà quyết liệt trong suốt cuộc đời cầm bút của ông.

Nam Cao là người có tấm lòng thật đôn hậu, chan chứa yêu thương. Ông gắn bó sâu nặng, giàu ân tình với quê hương và những người nghèo khổ bị áp bức, khinh miệt trong xã hội cũ. Ông quan niệm, không có tình thương đồng loại thì không đáng gọi là người (*Đời thừa*). Đó chính là một trong những lí do dẫn Nam Cao đến với con đường nghệ thuật hiện thực “vị nhân sinh” và tạo nên những tác phẩm thẩm đượm tư tưởng nhân đạo sâu sắc.

Cuộc đời lao động sáng tạo nghệ thuật vì lí tưởng nhân đạo và sự hi sinh anh dũng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc của Nam Cao mãi mãi là tấm gương cao đẹp của một nhà văn chân chính. Năm 1996, Nam Cao đã được Nhà nước tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật.

II - SỰ NGHIỆP VĂN HỌC

1. Quan điểm nghệ thuật

Trong cuộc đời cầm bút, Nam Cao luôn suy nghĩ về vấn đề “sống và viết”, rất có ý thức về quan điểm nghệ thuật của mình. Có thể nói, đến Nam Cao, chủ nghĩa hiện thực trong văn học Việt Nam từ 1930 đến 1945 mới thực sự tự giác đầy đủ về những nguyên tắc sáng tác của nó.

(1) Nam Cao, nhật kí *Ở rừng*.

Khi mới cầm bút, Nam Cao chịu ảnh hưởng của văn học lãng mạn đương thời. Nhưng ông đã dần nhận ra thứ văn chương đó rất xa lạ với đời sống lầm than của nhân dân lao động và ông đã đoạn tuyệt với nó để tìm đến con đường nghệ thuật hiện thực chủ nghĩa. Trong *Giăng sáng* (1942), ông phê phán thứ văn chương thi vị hoá cuộc sống đen tối, bất công, coi đó là thứ “ánh trăng lừa dối”; đồng thời yêu cầu nghệ thuật phải gắn bó với đời sống, nhìn thẳng vào sự thật “tàn nhẫn”, phải nói lên nỗi khốn khổ, cùng quẫn của nhân dân, vì họ mà lên tiếng.

Trong truyện ngắn *Đời thừa* (1943), Nam Cao không tán thành loại sáng tác “chỉ tả được cái bề ngoài của xã hội” và khẳng định: “Một tác phẩm thật giá trị, phải vượt lên bên trên tất cả các bờ cõi và giới hạn, phải là một tác phẩm chung cho cả loài người. Nó phải chứa đựng được một cái gì lớn lao, mạnh mẽ, vừa đau đớn, lại vừa phấn khởi. Nó ca tụng lòng thương, tình bác ái, sự công bình... Nó làm cho người gần người hơn”. Như vậy, trong quan niệm của Nam Cao, tư tưởng nhân đạo là một yêu cầu tất yếu đối với “một tác phẩm hay”, “một tác phẩm thật giá trị”. Nam Cao ý thức sâu sắc và đòi hỏi rất cao sự tìm tòi sáng tạo trong nghề văn: “Văn chương không cần đến những người thợ khéo tay, làm theo một vài kiểu mẫu đưa cho. Văn chương chỉ dung nạp những người biết đào sâu, biết tìm tòi, khai những nguồn chưa ai khai, và sáng tạo những cái gì chưa có” (*Đời thừa*). Ông đòi hỏi nhà văn phải có lương tâm, có nhân cách xứng đáng với nghề nghiệp của mình và cho rằng sự cầu thả trong văn chương chẳng những là “bất lương” mà còn là “đê tiện”.

Sau Cách mạng, Nam Cao tích cực tham gia kháng chiến, sẵn sàng hi sinh thứ “nghệ thuật cao siêu” của mình với ý nghĩ: lợi ích của dân tộc là trên hết. Tuy ấp ú hoài bão sáng tác nhưng ông vẫn tận tụy trong mọi công tác phục vụ kháng chiến với quan niệm “sống đã rồi hãy viết”, “góp sức vào công việc không nghệ thuật lúc này chính là để sửa soạn cho tôi một nghệ thuật cao hơn” (nhật ký *Ở rừng*, 1948).

2. Các đề tài chính

Sáng tác của Nam Cao trước Cách mạng tập trung vào hai đề tài chính: *người trí thức nghèo* và *người nông dân nghèo*.

Ở đề tài người trí thức, đáng chú ý là các truyện ngắn *Giăng sáng*, *Đời thừa*, *Những truyện không muốn viết*, *Mua nhà*, *Truyện tình*, *Quên điếu độ*, *Cười*, *Nước mắt*,... và tiểu thuyết *Sóng mòn*. Trong những tác phẩm này, Nam Cao đã miêu tả sâu sắc tần bi kịch tinh thần của người trí thức nghèo trong xã hội cũ, những “giáo khổ trường tư”, những nhà văn nghèo, những viên chức nhỏ, qua đó, đặt ra những vấn đề có tầm triết luận sâu sắc, có ý nghĩa to lớn, vượt khỏi phạm vi của đề tài. Họ là những trí thức có ý thức sâu sắc về giá trị sự sống và nhân phẩm, có hoài bão, có tâm huyết và tài năng, muốn xây dựng một sự nghiệp tinh thần cao quý,

nhưng lại bị gánh nặng áo cơm và hoàn cảnh xã hội ngột ngạt làm cho “chết mòn”, phải sống như “một kẻ vô ích, một người thừa”. Tập trung miêu tả và phân tích tình trạng “sống mòn” hay “chết mòn” của con người, Nam Cao đã phê phán sâu sắc xã hội ngột ngạt, phi nhân đạo bóp nghẹt sự sống, tàn phá tâm hồn con người, đồng thời, thể hiện niềm khao khát một lối sống lớn, khao khát một cuộc sống sâu sắc, có ích và thực sự có ý nghĩa, xứng đáng là cuộc sống con người.

Không chỉ thành công trong sáng tác viết về trí thức, Nam Cao còn là cây bút xuất sắc về đề tài người nông dân. Ông để lại chừng hai chục truyện ngắn viết về cuộc sống tối tăm, số phận bi thảm của người nông dân ; tiêu biểu là các tác phẩm : *Chí Phèo*, *Lão Hạc*, *Dì Hảo*, *Lang Rận*, *Một bùa no*, *Một đám cưới*, *Mua danh*, *Điếc văn*, *Trẻ con không được ăn thịt chó*, *Tư cách mõ*, *Nửa đêm* ; trong đó, *Chí Phèo* xứng đáng là một kiệt tác. Viết về đề tài này, Nam Cao đã dựng lên một bức tranh chân thực về nông thôn Việt Nam nghèo đói, xơ xác trên con đường phá sản, bần cùng, hết sức thê thảm vào những năm 1940 – 1945. Ông thường chú ý tới những con người thấp cổ bé họng, những số phận bi thảm. Họ càng hiền lành, càng nhẫn nhục thì càng bị chà đạp tàn nhẫn, phũ phàng. Ông đặc biệt đi sâu vào tình cảnh và số phận những con người bị đày đoạ vào cảnh nghèo đói, cùng đường, bị hắt hủi, lăng nhục một cách tàn nhẫn, bất công (*Chí Phèo*, *Một bùa no*, *Tư cách mõ*, *Lang Rận*, *Nửa đêm*,...). Viết về hiện tượng người nông dân bị đẩy vào tình trạng tha hoá, lưu manh hoá, Nam Cao đã kết án đanh thép cái xã hội tàn bạo đã huỷ hoại nhân tính của những con người bản chất vốn hiền lành. Nhà văn không hề bôi nhọ người nông dân mà trái lại, đã đi sâu vào nội tâm nhân vật để phát hiện và khẳng định nhân phẩm và bản chất lương thiện của họ, ngay cả khi họ bị xã hội vùi dập, cướp mất cả nhân hình, nhân tính.

Có thể nói, dù viết về người nông dân hay về người trí thức, vượt lên trên ý nghĩa cụ thể của đề tài, sáng tác của Nam Cao luôn chứa đựng một nội dung triết học sâu sắc, có khả năng khái quát những quy luật chung của đời sống nhu vật chất và ý thức, hoàn cảnh và con người, môi trường và tính cách,... Nam Cao luôn trăn trở về vấn đề nhân phẩm, về thái độ khinh trọng đối với con người, luôn day dứt tới mức đau đớn trước tình trạng xã hội vô nhân đạo đã đày đoạ con người trong sự nghèo đói, vùi dập những ước mơ, làm chết mòn đời sống tinh thần và lối sống cao đẹp của họ ; đồng thời cũng đau đớn vô hạn trước tình trạng con người bị xói mòn về nhân phẩm, thậm chí bị huỷ hoại cả nhân tính.

Sau Cách mạng, Nam Cao là cây bút tiêu biểu của văn học giai đoạn kháng chiến chống Pháp (1945 – 1954). Nhật ký *Ở rừng* (1948), truyện ngắn *Đôi mắt* (1948) là những tác phẩm có giá trị của văn xuôi thời kì đầu kháng chiến.

3. Phong cách nghệ thuật

Trong văn xuôi Việt Nam hiện đại, Nam Cao là nhà văn có phong cách độc đáo. Nam Cao đặc biệt quan tâm tới đời sống tinh thần của con người, luôn có húmg thú khám phá “con người trong con người” dù viết về người nông dân hay người trí thức. Ông quan niệm : “Sống tức là cảm giác và tư tưởng. Sống cũng là hành động nữa, nhưng hành động chỉ là phần phụ : có cảm giác, có tư tưởng mới sinh ra hành động. Bản tính cốt yếu của sự sống chính là cảm giác và tư tưởng. Cảm giác càng mạnh, càng linh diệu, tư tưởng càng dồi dào càng sâu sắc thì sự sống càng cao” (*Sống mòn*). Như vậy, Nam Cao luôn đề cao con người tư tưởng, đặc biệt chú ý tới hoạt động bên trong của con người, coi đó là nguyên nhân của những hành động bên ngoài.

Với một quan niệm về con người như thế, Nam Cao có khuynh hướng tìm vào nội tâm, đi sâu vào thế giới tinh thần của con người. Ông là nhà văn có biệt tài diễn tả, phân tích tâm lí nhân vật. Tâm lí nhân vật trở thành trung tâm chú ý, là đối tượng trực tiếp của ngòi bút Nam Cao. Ông tỏ ra đặc biệt sắc sảo trong việc phân tích và diễn tả những trạng thái, những quá trình tâm lí phức tạp, những hiện tượng lưỡng tính dở say dở tỉnh, dở khóc dở cười, mấp mé ranh giới giữa thiện với ác, giữa hiền với dữ, giữa con người với con vật,...

Do am hiểu tâm lí nhân vật nên Nam Cao đã tạo được những đoạn đối thoại, độc thoại nội tâm rất chân thật, sinh động. Mặt khác, cũng do yêu cầu miêu tả tâm lí, mạch tự sự trong tác phẩm của ông thường đảo lộn thời gian và không gian, tạo nên *kiểu kết cấu tâm lí* vừa phóng túng, linh hoạt vừa nhất quán, chặt chẽ. Ngòi bút Nam Cao cũng thường viết về cái nhỏ nhặt, xoàng xĩnh mà nhà văn gọi là *Những truyện không muốn viết*. Từ những sự việc quen thuộc, thậm chí tầm thường trong đời sống hằng ngày, tác phẩm của Nam Cao đã đặt ra những vấn đề xã hội có ý nghĩa to lớn, thể hiện triết lí sâu sắc về con người, về cuộc sống và nghệ thuật.

Nam Cao là nhà văn có giọng điệu riêng : buồn thương chua chát ; dũng dung lạnh lùng mà đầy thương cảm, đầm thắm yêu thương,...

*

* * *

Nam Cao là nhà văn hiện thực lớn, một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. Sáng tác của ông đã vượt qua được những thử thách khắc nghiệt của thời gian, càng thử thách lại càng ngời sáng. Thời gian càng lùi xa, những tác phẩm của ông lại càng bộc lộ ý nghĩa hiện thực sâu sắc, tư tưởng nhân đạo cao cả và vẻ đẹp nghệ thuật điêu luyện, độc đáo. Ông có nhiều đóng góp quan trọng đối với việc hoàn thiện truyện ngắn và tiểu thuyết Việt Nam trên quá trình hiện đại hoá ở nửa đầu thế kỉ XX.

HƯỚNG DẪN HỌC BÀI

1. Tiểu sử và con người nhà văn Nam Cao có những đặc điểm gì giúp ta hiểu thêm về sự nghiệp văn học của ông ?
2. Những nội dung chính trong quan điểm nghệ thuật của Nam Cao?
3. Viết về người trí thức nghèo và người nông dân cùng khổ, Nam Cao thường trăn trở, day dứt nhất về vấn đề gì ?
4. Nêu những nét chính của phong cách nghệ thuật Nam Cao.

GHI NHỚ

- Nam Cao là nhà văn hiện thực lớn, nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, có đóng góp quan trọng đối với quá trình hiện đại hóa truyện ngắn và tiểu thuyết Việt Nam nửa đầu thế kỉ XX. Ông có quan điểm nghệ thuật sâu sắc, tiến bộ, đạt được thành tựu xuất sắc về đề tài người trí thức nghèo và người nông dân cùng khổ. Ông đặc biệt quan tâm đến đời sống tinh thần của con người, luôn đau đớn trước tình trạng con người bị rơi vào thảm cảnh sống mòn, bị xói mòn về nhân phẩm, thậm chí bị huỷ hoại cả nhân tính.
- Nam Cao là nhà văn có phong cách độc đáo : luôn hướng tới thế giới nội tâm của con người ; có biệt tài trong việc miêu tả và phân tích tâm lí ; viết về cái nhó nhặt hằng ngày mà đặt ra được những vấn đề có ý nghĩa xã hội to lớn, có tầm triết lí sâu sắc và có giọng văn đặc sắc.